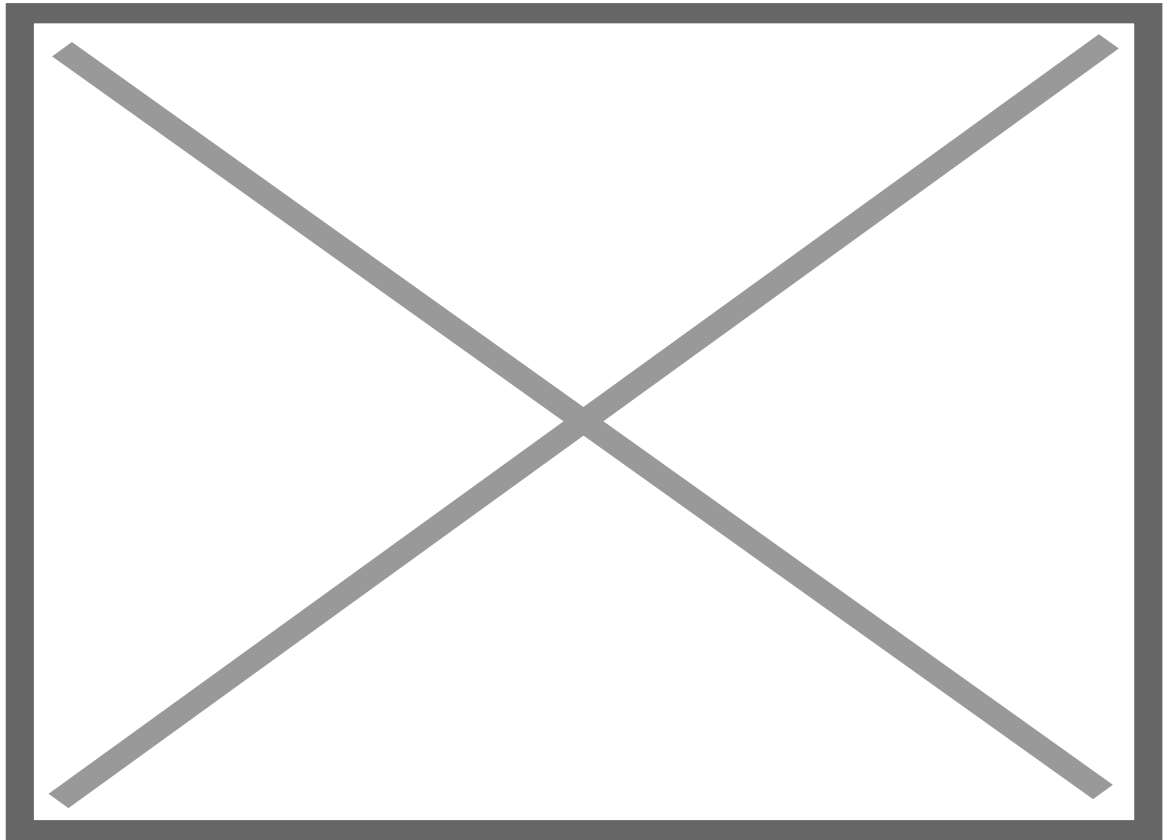


Mối quan hệ tu sĩ và cư sĩ

ISSN: 2734-9195 04:33 29/03/2021

Thích Nữ Chơn Ngọc Tạp chí Nghiên cứu cứu Phật học số tháng 3/2021

Không phải đến thời điểm hiện tại mối quan hệ của tu sĩ và cư sĩ mới được thiết lập mà mối quan hệ này đã được hình thành trước khi đức Phật thành đạo và rải dài suốt chiều dài lịch sử từ khi có đạo Phật hiện diện trên thế gian. Từ việc nhìn thấy bóng dáng vị tu sĩ oai nghiêm dẫn đến quyết định xuất gia của Thái tử Siddhartha, cho đến việc thí chủ Dona chủ trì phân chia Xá-lợi Phật sau lễ trà tỳ của đức Thế Tôn đã minh định rằng: người tu sĩ và người cư sĩ có những mối quan hệ không chỉ dừng lại ở đời sống tinh thần mà còn trong đời sống vật chất. Hệ thống kinh điển Phật giáo trong cả hai truyền thống Nam truyền và Bắc truyền đều ghi nhận rất nhiều những quan hệ giữa người tu sĩ và cư sĩ. Cả cư sĩ và chư tăng đều là đệ tử Phật, chỉ khác chăng là dung nghi, hoàn cảnh sống, mức độ tu tập, giới pháp hành trì và khả năng tâm linh. Cả hai chúng đệ tử này có sự liên hệ, hỗ trợ với nhau chặt chẽ. Sự tăng trưởng hoặc ngược lại của bộ phận này đều có sự tác động, ảnh hưởng đến bộ phận kia; xét về mức độ sâu xa thì đôi khi còn ảnh hưởng tới sự phát triển hay suy vong của Phật giáo.



1. KHÁI NIỆM VỀ TU SĨ VÀ CƯ SĨ

1.1. Tu sĩ

Tu sĩ Phật giáo là người từ bỏ nếp sống thế tục, nên còn gọi là người xuất gia, khép mình trong nếp sống đạo đức và hành trì theo pháp môn đã được đức Phật thuyết định. Hình bóng chư tăng thời đức Phật cũng như hiện nay là sự hiện hữu của Phật pháp đến với hàng cư sĩ nói riêng và mọi người nói chung. Hình bóng tu sĩ Phật giáo hình thành Tam bảo sau khi đức Phật thành đạo đó là năm anh em Kiều Trần Như qua bài kinh Chuyển Pháp Luân [1], thuyết tại vườn Lộc Uyển. Đức Phật khuyên hàng Tỳ kheo không nên thực hành theo hai cực đoan đắm say trong các dục và tự hành khổ mình, mà phải đi theo con đường Trung đạo, tức con đường Thánh đạo tám ngành (chính tri kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng, chính tinh tấn, chính niệm và chính định) [2]. Trong Phật giáo Bắc truyền, trước khi xuất gia, vị Hoà thượng sẽ xướng rằng: “Thiện tai, Thiện nam tử! Năng liễu thế vô thường. Khí tục thế Nê-hoàn. Công đức nan tư nghi” [3]. Và sau khi cắt trên đầu ba lút tóc thì đọc bài kệ “Huỷ hình thủ chí tiết. Cát ái từ sở thân. Xuất gia hoằng thánh đạo. Thệ độ nhất thiết nhân.”

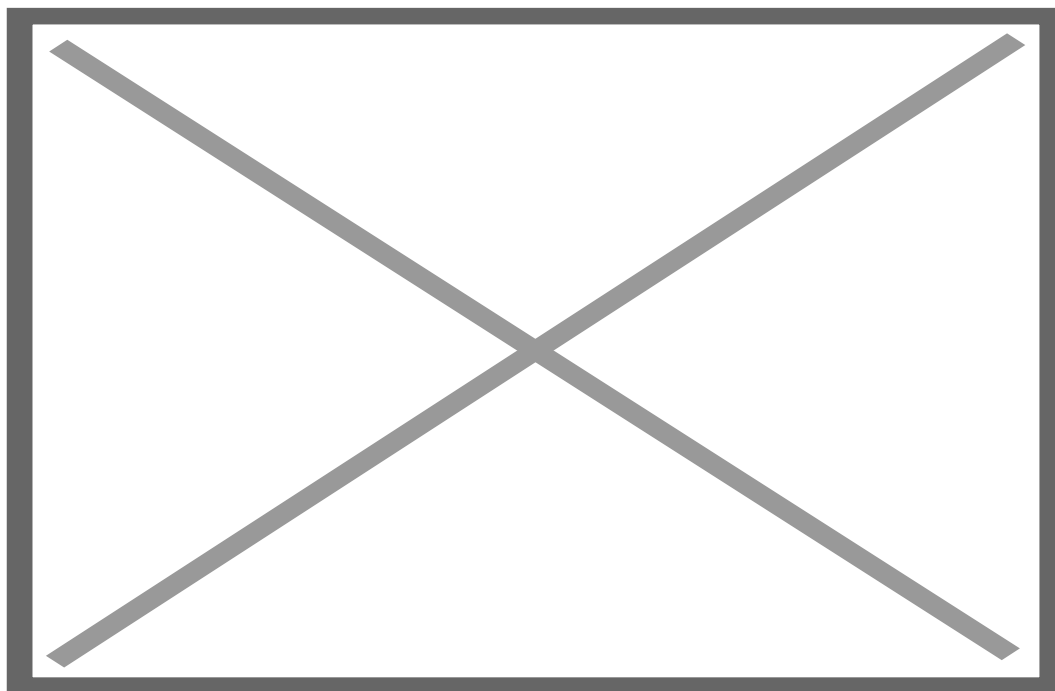
1.2. Cư sĩ

Trong kinh Tăng Chi bộ, chương Tám pháp, phẩm Gia chủ, kinh Thích tử Mahànàma, đức Phật nói với Mahànàma rằng: “Này Mahànàma, khi nào quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, cho đến như vậy, này Mahànàma, là người nam cư sĩ” [4]. Theo kinh Tương Ưng bộ, tập V (Đại phẩm), chương 11 (Tương ưng dự lưu), phẩm Phước đức sung mãn, kinh Mahanama (số 37), đức Phật trả lời cho họ Thích Mahànàma rằng: “Ai quy y Phật, này Mahànàma, quy y Pháp, quy y chúng Tăng. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ”. Đức Phật dạy rằng Mahànàma về người cư sĩ cần đầy đủ: Giới (năm giới), Tín (Phật), Thí (rộng mở và lìa xan tham), Tuệ (tuệ sinh diệt, tuệ các bậc Thánh thể nhập, đoạn tận khổ đau). Sau khi phát nguyện quy y Tam bảo trở thành người cư sĩ, tiếp theo để hoàn thiện đạo đức tự thân cần phải thọ trì năm giới (không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ và không uống rượu) và tu học các thiện pháp.

1.3. Tứ chúng

Tứ chúng gồm Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc (nam cư sĩ) và Ưu bà di (nữ cư sĩ). Đức Phật nói với A Nan về việc Ác ma thỉnh Ngài nhập Niết bàn và Ngài sẽ không nhập diệt nếu những Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ “chưa thành những đệ tử chân chính, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chính pháp, thành tựu Chính pháp và Tùy pháp, sống chân chính, sống theo Chính pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chính pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chính pháp thần diệu” [5] .

Tu sĩ và cư sĩ, gọi tắt là tứ chúng là những người sẽ thay Phật hoằng truyền chính pháp đến khắp mọi người. Mỗi người sẽ có trách nhiệm và bổn phận trong đời sống tu học tự thân và gắn kết nhau trong việc hoằng truyền chính pháp lợi lạc nhân thiên thời đức Phật còn tại thế cũng như hiện nay. Hơn hết, chư tăng là người giữ vững chính pháp nhãn tạng, là sứ giả của Như Lai truyền thông điệp tu tập đến với mọi người, xây dựng đạo đức tự thân, nếp sống thiền môn và đạo lộ giải thoát trong mai sau.



2. QUAN HỆ TU SĨ VÀ CƯ SĨ

2.1. Chân chính và bình đẳng

Trong tất cả các mối quan hệ thì quan hệ tu sĩ – cư sĩ có điểm đặc biệt là có sự chân chính và bình đẳng. Vì sao nói như vậy đơn giản dễ nhận thấy là trong sinh hoạt hằng ngày các vị tu sĩ đều truyền trao giáo lý đến với các vị nam nữ cư sĩ trong quá trình học luôn đề cao tinh thần bình đẳng vị tha, không phân biệt đối xử với nhau là người giàu kẻ nghèo, hay người tri thức và kẻ thiếu năng, mà một lòng cùng nhau chia sẻ giáo pháp Phật đà đến với mọi người, cùng nhau xây dựng nền đạo đức, thông qua các việc mở các hệ thống lớp học cư sĩ, hay truyền giới, thọ bát quan trai, mục đích là đến với niềm vui an lạc để tu tập giải thoát, cùng nhau thực hành các việc làm chân chính tuyên truyền, vận động tham gia các việc làm mang tính chất không gây đau khổ đến ai, bởi vì khi đức Phật còn tại thế Ngài có dạy: “các vị là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành”[6] mọi người mọi loài đều tu tập và đều có thể chứng quả thành Phật.

Chính vì điều này làm rõ hơn tinh thần bình đẳng và sự thực hành pháp chân chính, mà không một tôn giáo nào có thể vượt qua. Ngài cũng nhấn mạnh các vị Tỳ kheo: “này các Tỳ kheo, Tỳ kheo ấy do kiến được đặt hướng chân chính, do con đường tu tập được đặt hướng chân chính, nên tâm thắng vô minh, minh được sinh khởi, chứng được Niết-bàn” [7]. Qua đó, chúng ta có thể nhận định lại rằng tôn giáo của đạo Phật là một tôn giáo chân chính, bình đẳng thể hiện qua mối quan hệ tu sĩ – cư sĩ, nơi giao thoa với nhau để mang lại nền hòa bình cho xã hội và mọi người, nâng cao nền giáo dục đạo đức Phật học và thấy rõ nền

đạo lý có sự hỗ tương giữa hai thân phận.

2.2. Giáo dục và giảng pháp

Nền giáo dục trong hệ thống Phật học mang tính toàn cầu hóa đất nước, là nơi phổ thông liên kết các nước để chạm tới sự nhất quán, nơi đây là điểm hẹn cho các tầng lớp xã hội tham gia vào các Phật sự cùng các vị tu sĩ trên danh nghĩa là chính thức hợp tác, và cũng chính là đối tác để cùng tham gia vào các công cuộc đóng góp cho kho tàng tri kiến. Tại nơi đây, các vị đứng đầu trong hệ thống Phật học mở ra các trường, lớp, hay các trang mạng online giảng dạy giáo lý trong và ngoài nước, lan truyền các bài học về các pháp hành, hay các trung tâm phiên dịch như: Trung tâm phiên dịch Huệ Quang, Hán Nôm, Học Viện các thành phố lớn để đào tạo ra tăng tài dẫn thân vào phụng sự, hoằng pháp lợi sinh, giảng dạy, thuyết pháp về tam tạng kinh điển, ứng dụng đời sống thực tại, giải quyết các nhu cầu khổ đau của các cư sĩ, hướng dẫn thực tập thiền quán, mở các đạo tràng, khóa tu nhằm nâng cao giáo lý cho các cư sĩ, ngược lại các vị cư sĩ mang tinh thần hoằng hóa giáo lý mà chuyên tâm tu tập để ngoại hộ thiện tri thức, hộ trì chính pháp, tạo nên mối tương quan với các vị tu sĩ. Và chính đức Phật cũng đã dạy mỗi người đi một hướng để giáo hóa chớ đừng hai người đi cùng một hướng.

2.3. Cúng dường và từ thiện

Cúng dường là một trong những cách thức thể nghiệm tâm buông xả. Hơn nữa, đã là một người đệ tử Phật, thì phải có trách nhiệm đến sự suy vong hay phát triển của đạo pháp. Sự hiện hữu của người xuất gia là sự hiện hữu của Tam bảo. Góp duyên để người xuất gia hoàn thành sứ mạng thiêng liêng đồng nghĩa với hạnh nguyện hộ pháp. Đây chính là phương diện tích cực trong trách vụ hỗ trợ người xuất gia. Khi cúng dường với tâm hoan hỷ, thì dù cúng phẩm vật nhỏ nhoi nhưng vẫn có ý nghĩa lớn. Và hơn thế, đức Phật sẽ không nói lời tùy hỷ với các thí chủ, dù đó là nhà vua, nếu như không có tâm cung kính và sự gia tâm. Nhận thức đúng về các điều này là những định hướng quan trọng cho người cư sĩ, trong thiện hạnh yểm trợ người xuất gia.

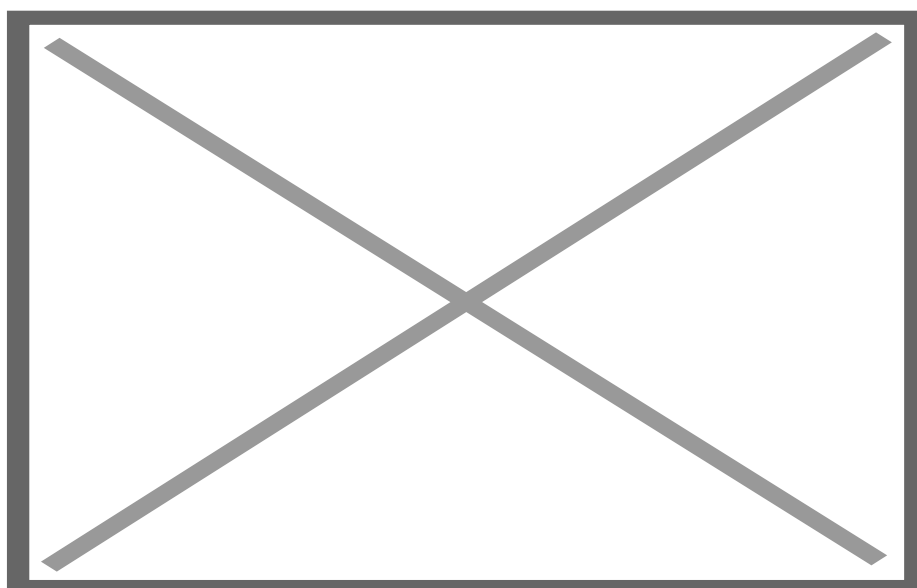
Việc hộ pháp cho người xuất gia thì không nên giới hạn ở một vị tu sĩ thầy Bổn sư truyền giới hay dựa vào sự thân quen, vì Tăng già là một đoàn thể sống thanh tịnh và hoà hợp. Câu chuyện Gotami cúng y cho đức Phật và được Phật bảo bà rằng: “Này Gotami, hãy cúng dường tăng chúng. Bà cúng dường tăng chúng, thời Ta sẽ được cung kính, và cả tăng chúng cũng vậy” [8]. Thông qua lời dạy của Ngài, con người phụng sự con người, mang lại lợi lạc và hạnh phúc cho nhân gian là cúng dường quý báu nhất đối với ngài. Ở đây, theo kinh Bổn phận người gia chủ đức Phật dạy rằng, người cư sĩ nếu đủ phước, đủ duyên thì

nên hộ trì các bậc xuất gia phạm hạnh về các nhu cầu sống thiết yếu, trên cơ sở của tự nguyện và tùy duyên.

2.4. Thiện xảo trong xử lý những sai lầm

Tỳ kheo Xa Nặc (Chana) náo loạn chê bai các vị đại đệ tử và ý mình có công với Phật nên sau khi đức Phật nhập diệt, theo lời di huấn của Phật, Tăng già đã tác pháp mặc tẩn (Brahmadanda) Xa Nặc. Cư sĩ là những vị tích cực đóng góp ý kiến cho tu sĩ hoàn thiện đạo đức giới luật trên tinh thần hộ pháp như vua Tần Bà Sa La, vua Ba Tư Nặc... Tu sĩ và cư sĩ tương tác nhau, nhưng không nên can thiệp quá sâu đời sống tu sĩ. Nếu cúng dường chư Tăng với tâm hoan hỷ thì dù vật phẩm nhỏ vẫn có ý nghĩa lớn như bà già nghèo cúng bát cháo hôi thiu cho Tôn giả Ca Diếp. Và hơn thế, đức Phật sẽ không nói lời tùy hỷ với các thí chủ, dù đó là bậc vua chúa quyền quý, nếu như việc cúng dường không có sự cung kính và gia tâm: “Thức ăn tốt nhất là thức ăn được cho với tình yêu thương. Vì thiếu những người tạo mối thân tình bằng cách bố thí với niềm yêu thương nên các Tỳ kheo đã lấy thức ăn ở đó và mang đến ăn tại các nhà thân hữu của họ. Tàu Đại vương, không có vị ngọt nào bằng vị ngọt của tình thương. Thứ gì được cho mà không tình thương thì dù nó gồm bốn thứ ngon ngọt cũng không xứng bằng gạo rừng được cho với tình thương” [9].

Sự tương tác hài hòa của chúng xuất gia và tại gia sẽ tạo thành sức mạnh đoàn thể Tăng già lúc bấy giờ và mai sau. Dù đệ tử xuất gia hay tại gia, giàu hay nghèo, vua chúa hay dân thường... luôn an trú trong chính pháp, như lý tác ý với tất cả mọi việc, khắc phục những sai lầm, thực tập quán chiếu, hiện pháp lạc trú để an lạc tự thân và phát triển xã hội thanh bình.



3. BỐN PHẬN CỦA NGƯỜI CƯ SĨ

3.1. Trách nhiệm trong gia đình và xã hội

Kinh Thiện Sinh (kinh Trường A Hàm 16) hoặc kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt (kinh Trường Bộ 31), đức Phật dạy chàng thanh niên Sigala (Thi Ca La Việt) về những bổn phận của người cư sĩ như bổn phận cha mẹ và con cái, thầy và trò, chồng và vợ, bạn bè (bà con), chủ (quản lý) và tớ (nhân viên), tu sĩ và cư sĩ. Đức Phật nói với vua Pasenadi nước Kosala về một vị chân nhân cư sĩ thọ hưởng không đưa đến tổn giảm bằng việc: “có được tài sản lớn, đem lại an lạc cho mình, đem lại an lạc cho cha mẹ, đem lại an lạc cho vợ con, đem lại an lạc cho người phục vụ, cho người làm công, đem lại an lạc cho bạn bè thân hữu; đối với các vị Sa môn, Bà La Môn, thiết trí các sự cúng dường hướng thượng, có khả năng thăng lên thượng giới, đưa đến lạc quả, hướng đến Thiên giới”. Trong đời sống sinh hoạt ngoài xã hội, người cư sĩ làm ra tài vật phải đúng pháp.

3.2. Hộ trì người xuất gia

Chân chính hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn! Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử Thế Tôn đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời giới được bậc Thánh ái kính, không có bể vụn, không bị sút mẻ, không tì vết, không ô nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, làm cho an lạc, hướng đến Thiên định. Chư tăng là ruộng phước, đáng được cung kính cúng dường ở đời. Chính vì thế, đức Phật khuyên người cư sĩ nếu đủ duyên thì nên hộ trì các vị xuất gia đạo hạnh: “Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử hộ trì chúng Tỳ kheo, hộ trì chúng Tỳ kheo với y, hộ trì chúng Tỳ kheo với đồ ăn khát thực, hộ trì chúng Tỳ kheo với sàng tọa, hộ trì chúng Tỳ kheo với dược phẩm trị bệnh”. Đức Phật đã tán thán việc hỗ trợ không gian tu tập, ngoài việc cúng dường tịnh xá hay giảng đường tu tập, tùy theo khả năng mà người cư sĩ có thể cúng dường hỗ trợ điều kiện sống cho người tu sĩ trên cơ sở tự nguyện và tùy duyên như y tế, phương tiện đi lại, và các điều kiện sinh hoạt của người xuất.

Kinh Tăng Chi bộ III có đề cập rằng: “Ở đây, này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt, các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống cung kính, tùy thuận bậc Đạo Sư, sống cung kính tùy thuận Pháp; sống cung kính tùy thuận chúng Tăng; sống cung kính tùy thuận học pháp; sống cung kính tùy thuận Thiên định; sống cung kính tùy thuận không phóng dật; sống cung kính tùy thuận nghinh đón. Này Kimbila, đây là nhân, đây là duyên, khi Như Lai nhập diệt, diệu pháp được tồn tại lâu dài” [10]. Bản thân người cư sĩ phải nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình trong việc hộ trì Tam Bảo cũng như thừa tự pháp, để giúp cho giáo pháp được trường tồn. Trong vấn đề hộ trì đó, có nhiều khía cạnh mà người cư sĩ cần ghi nhớ: Ngoài việc hộ trì Phật bảo, Pháp bảo thì Tăng bảo cũng là một

phần quan trọng trong đời sống tâm linh của hàng đệ tử tại gia và cần được hộ trì:

a. Niềm tin vững chắc nơi tăng chúng. b. Thường xuyên hộ độ cúng dường đến chư tăng. c. Bảo vệ uy tín và thanh danh cho tăng chúng. d. Kính trọng và nhu thuận

3.3. Một số gương mẫu cư sĩ tiêu biểu

a. Quốc vương Bình Sa: cúng dường tinh xá Trúc Lâm (Veluvana). b. Trưởng giả Anàthapindika (Cấp Cô Độc): cúng dường tinh xá Kỳ viên. c. Tín nữ Visakha: cúng dường Lộc mẫu giảng đường (Migaramatu). d. Kỹ nữ Ambapali: cúng dường vườn xoài, làm nơi trú ngụ tứ phương tang. e. Cư sĩ Jivaka: chữa bệnh đầy hơi, khó tiêu cho đức Phật. f. Cư sĩ Sankha cúng giày cho đức Phật và chúng tăng khi đi lại những vùng khó khăn tại Kỳ Viên tinh xá. h. Nữ cư sĩ Matikamata dù đã chứng đắc thánh quả A Na Hàm nhưng vẫn phát tâm cúng dường cho 60 vị tăng (thể trạng, tâm tư, điều kiện vật chất) trong mùa an cư. Kết thúc mùa an cư, 60 vị đều chứng quả A La Hán. e. Việt Nam: Thiều Chửu Nguyễn Hữu Kha, Tâm Minh Lê Đình Thám, Chánh Trí Mai Thọ Truyền.

Cư sĩ đến với chùa là tinh thần tự nguyện, đem công đức của mình cùng với tu sĩ tham gia các phật sự, đồng tâm hiệp lực tạo ra sức mạnh đồng bộ, góp phần phụng sự đạo giúp đời theo phương hướng hoạt động của Giáo hội Phật giáo ngày càng hưng thịnh và phát triển.

KẾT LUẬN

Tu sĩ và cư sĩ chính là những người con ưu tú của đức Phật, nếu cả hai trang nghiêm tự thân, tu tập chuẩn mực và hoàn thành những trách vụ đã được phân định, luôn tương kính nhau bằng con mắt tuệ thì ngọn đèn sinh mệnh chính pháp luôn được duy trì và thấp sáng mãi muôn nơi, đem lại lợi lạc đến khắp cả nhân sinh. Bằng sự nỗ lực hoằng pháp và hộ trì Chính pháp của cả hai giới: xuất gia và tại gia nhằm kế thừa sự nghiệp mà Chư Phật, chư Tổ đã dày công tạo lập. Tăng, ni và phật tử ngày nay cần xác định rõ mục đích của đạo Phật đi vào đời cứu khổ ban vui với phương châm: “Hoằng pháp vi gia vụ, lợi sinh vi bổn hoài”. Mỗi chúng ta hãy cùng nhau góp từng viên gạch nhỏ vững chắc góp phần xây dựng nên tòa nhà Chính pháp của đức Như Lai ngày càng được kiên cố hơn. Mỗi chúng ta phải tự thân làm gương mẫu, luôn trau dồi giáo lý và phẩm hạnh, điều này rất cần thiết trong quá trình đưa đến quả xuất thế. Chính tác phong, đạo đức của tu sĩ và hàng phật tử chính là nền tảng cho một gia đình, xã hội tốt đẹp, là tấm gương cho các thân hữu hoặc những người chưa hiểu đạo phát tâm tu tập theo đạo Phật, làm cho đời sống ngày càng thăng hoa, hạnh phúc. Đặt

trên nền tảng các mối quan hệ hỗ tương và cùng nhau phát triển, sự gắn kết giữa hàng tu sĩ và giới cư sĩ sẽ vững chắc trong tinh thần từ bi và trí tuệ. Trong bối cảnh đang và sẽ có nhiều tôn giáo cùng vận hành trong xã hội, tu sĩ và cư sĩ Phật giáo nên trang bị nhiều hơn về kiến thức và kỹ năng trong việc tu học, nhất là nghiêm túc thực hành đúng theo những gì đức Thế Tôn đã dạy nhằm kiến tạo đời sống vững mạnh về tâm hồn lẫn thể chất. Phật giáo, chắc chắn sẽ không thể tồn tại đúng nghĩa nếu mối quan hệ song hành này bị phá vỡ do hành động thiếu hiểu biết hoặc hiểu sai lời dạy của Như Lai.

Thích Nữ Chơn Ngọc Tạt chí Nghiên cứu cứu Phật học số tháng 3/2021

TÀI LIỆU THAM KHẢO: 1. Kinh Tương ưng bộ II, tập IV (Thiên sáu xứ), Thích Minh Châu (dịch), NXB Tôn giáo, HN, 2018, tr 783. 2. Kinh Tương ưng bộ II, Sđd, tr. 783. 3. Thích Thiện Hoà, Giới đàn tăng, NXB Tôn giáo, HN, 2016, tr. 249. 4. ĐTKVN, Kinh Tăng chi bộ I, chương Tám pháp, phẩm Gia chủ, kinh Thích tử Mahànàma, Thích Minh Châu (dịch), NXB Tôn giáo, HN, 2018, tr 340. 5. Kinh Trường bộ 1, kinh Đại Bát Niết Bàn (số 16), Thích Minh Châu dịch, NXB Tôn giáo, HN, 2018, tr. 300. 6. Thích Tịnh Hạnh, “Đại Tập 145, Bộ Luật Sớ III, số 1809-1815, Hội Văn Hoá Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000, tr. 614. 7. Kinh Tương Ưng V, Đại Phẩm, Chương Tương Ưng Đạo, Phẩm Vô minh, sđd, tr. 23. 8. ĐTKVN, Kinh Trung bộ (quyển 3, 13 quyển), kinh Phân biệt cúng dường, NXB Tôn giáo, HN, 2018, tr. 595. 9. Kinh Tiểu bộ (q11, 13q), Chuyện tiền thân 346, chuyện đạo sĩ Kesava, tr. 413. 10. Kinh Tăng Chi Bộ III, Chương Bảy pháp, Phẩm Không Tuyên Bố, sđd, tr. 395.